

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **134/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/4/2018

Về việc không công nhận vợ chồng giữa
chị Nguyễn Thị T với anh Bùi Văn H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Cao Lâm.

2. Ông Nguyễn Thanh Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Ma Thị Vân Kiều - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Ông Bàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24/4/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2018/TLST - HNGĐ, ngày 20/3/2018 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐST - HNGĐ, ngày 09/4/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; sinh năm: 1984; trú tại: Thôn PH, xã PU, huyện SD, tỉnh TQ.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn H; sinh năm: 1983; trú tại: Thôn PH, xã PU, huyện SD, tỉnh TQ.

(Đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Bùi Văn H về chung sống với nhau vào tháng 11 năm 2000 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng chị về sinh sống và làm ăn tại thôn PH, xã PU, huyện SD, tỉnh TQ. Cuộc sống chung có hạnh phúc được một thời gian, tuy nhiên đến năm 2004 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xích mích. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Khoảng giữa năm 2004 thì anh H đi làm ăn xa, anh

chị ly thân từ đó đến nay, do anh chị không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Bùi Văn S, sinh ngày 17/12/2002, hiện đang ở với chị T. Sau khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu S và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Bị đơn - anh Bùi Văn H trình bày:

Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh chung sống như chị Nguyễn Thị T trình bày là đúng. Năm 2004, cuộc sống chung giữa anh và chị T thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến hai người sống ly thân. Nay, chị T đề nghị Tòa không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T, anh nhất trí.

Về con chung: Như lời trình bày của chị T là đúng, anh nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Văn S.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh cũng nhất trí theo quan điểm của chị T là không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn H là vợ chồng; giao cháu Bùi Văn Q, sinh ngày 17/12/2002 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung; chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn H về chung sống với nhau từ năm 2000 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương thì từ năm 2000 đến nay, không có trường hợp nào có tên chồng là Bùi Văn H và vợ là Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã PU, huyện SD.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn H chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, HĐXX cần xử không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Bùi Văn S, sinh ngày 17/12/2002. Tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ

chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con”. Chị T có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Văn S, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H cũng nhất trí theo quan điểm của chị T. Xét thấy quan điểm của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy cần giao cháu Bùi Văn S, sinh ngày 17/12/2002 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Văn Sơn, sinh ngày 17/12/2002 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005821 ngày 20/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện SD. Anh Bùi Văn H không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- T.H.A dân sự huyện SD;
- UBND xã PƯ (SD-TQ);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Ma Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Cao Lâm – Nguyễn Thanh Hà

Ma Thị Tuyết Mai

